

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH CHO CÁC HỘ NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC NHÀ QUẢN LÝ

Nguyễn Đắc Dũng¹, Trần Quang Huy²,
Phạm Thị Vân Khánh³

Tóm tắt

Bài báo tập trung phân tích sáu chính sách ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở thu thập ý kiến đánh giá của các nhà quản lý tại các địa phương. Bằng việc sử dụng thang đo likert và phương pháp thống kê mô tả, bài báo chỉ ra được mức điểm đánh giá của cán bộ đối với từng tiêu chí trong sáu nhóm chính sách này. Đồng thời bài báo cũng đánh giá được chỉ tiêu nào đáp ứng được sự hài lòng của người dân địa phương và chỉ tiêu nào còn hạn chế trong các chính sách đang được triển khai tại địa phương. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, bài báo gợi ý các giải pháp nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh cho các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kết quả của nghiên cứu là một căn cứ quan trọng giúp các cơ quan chính phủ nói chung và chính quyền địa phương nói riêng có nhiều đánh giá hơn về hiệu quả của những chính sách này.

Từ khóa: Chính sách, hoạt động sản xuất kinh doanh, người nông dân, nhà quản lý.

SUPPORT POLICIES TO PRODUCTION AND BUSINESS DEVELOPMENT FOR FARMERS IN THAI NGUYEN PROVINCE AND MANAGER'S EVALUATION

Abstract

This paper concentrates on analyzing six policies influencing on the production and business activities of farmers in Thai Nguyen province based on the opinions collected from thirty local managers. By using Likert scale and descriptive statistic method, the paper shows the score of each criterion in these six policies. At the same time, the paper also reveals which criteria meet the farmer's satisfaction and which ones remain limited among the policies being deployed in Thai Nguyen province. Based on the findings, this paper suggests some solutions to support production and business development for farmers in Thai Nguyen province. The study is of great importance to help the government agencies in general and local authorities in particular have more insights into the efficiency of these policies.

Keywords: Policy, production and business activities, farmers, managers.

1. Đặt vấn đề

Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp luôn đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn trong mọi thời kỳ, mọi hoàn cảnh. Trong những năm qua có rất nhiều các chính sách nói chung và các chính sách nông nghiệp nói riêng đã và đang được triển khai nhằm hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất kinh doanh. Thực tế, bên cạnh việc nhiều chính sách đã phát huy và đạt được kết quả rất tốt trong việc hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh thì vẫn còn nhiều chính sách hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân. Đối với tỉnh Thái Nguyên, trong những năm qua tỉnh đã tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp thông qua các chính sách về nông nghiệp đã được trung ương ban hành, bên cạnh đó tỉnh Thái Nguyên cũng đã có những chính sách riêng về phát triển sản xuất nông nghiệp, các chính sách này đã có tác động tích cực đến tính hình kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các chính sách vẫn còn nhiều bất cập như việc các chính sách chưa theo kịp thực tiễn, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của địa

phương. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển sản xuất kinh doanh cho các hộ nông dân trên địa bàn. Chính vì vậy, nghiên cứu chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh cho các hộ nông dân thông qua đánh giá từ phía các nhà quản lý địa phương sẽ giúp cho cơ quan quản lý Nhà nước có cái nhìn đầy đủ hơn về thực trạng một số chính sách trên địa bàn tỉnh, từ đó góp phần hoàn thiện một số chính sách cũng như nâng cao hiệu quả trong việc triển khai và thực hiện các chính sách đối với người dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Cơ sở lý luận và thực tiễn

2.1. Cơ sở lý luận

Có nhiều quan điểm khác nhau về chính sách nói chung và chính sách nông nghiệp nói riêng. Theo Frank Ellis chính sách được xác định như là đường lối hành động mà Chính phủ lựa chọn các phương pháp để theo đuổi các mục tiêu; quan điểm của Samuelson cho rằng phạm trù "chính sách kinh tế" được sử dụng tương đối rộng rãi với nội dung "rộng" và "hẹp" rất đa dạng, tùy thuộc vào mục tiêu cần đạt tới và đối tượng tác động của chính sách, thậm chí ngay cả khi Chính phủ không đưa ra một chính sách cụ

thể nào trong bối cảnh bất đắc dĩ để thực hiện một ý đồ sách lược nào đó thì đó cũng là một cách tác động của chính sách, ông gọi đó là trạng thái “thỏa hiệp” của chính sách kinh tế. Đối với chính sách nông nghiệp Lê Đình Thắng cho rằng “chính sách nông nghiệp được hiểu là tổng thể các biện pháp kinh tế hoặc phi kinh tế có liên quan đến nông nghiệp và các ngành có liên quan nhằm tác động vào nông nghiệp theo những mục tiêu nhất định, trong một thời hạn nhất định”. Như vậy, nhìn từ góc độ nào thì chính sách có vai trò rất quan trọng trong việc định hướng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, điều tiết sự mất cân đối của cả nền kinh tế nói chung và từng lĩnh vực cụ thể nói riêng.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Thực tế đã có nhiều nghiên cứu về chính sách và chính sách nông nghiệp nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất cho người dân, mỗi nghiên cứu lại có cách thức tiếp cận khác nhau điển hình như nghiên cứu của Vũ Văn Hùng (2013) về “*chính sách tiêu thụ nông sản Việt Nam trong quá trình thực hiện các cam kết với tổ chức thương mại thế giới*”. Nghiên cứu đã xây dựng khung lý thuyết về chính sách tiêu thụ nông sản trong quá trình thực hiện các cam kết với WTO; phân tích thực trạng tiêu thụ nông sản và đánh giá chính sách tiêu thụ nông sản Việt Nam trước và sau gia nhập WTO, chỉ ra thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế. Nghiên cứu phân tích những xu hướng mới của thị trường nông sản thế giới để từ đó đưa ra một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện chính sách tiêu thụ nông sản của Việt Nam. Hay nghiên cứu của Nguyễn Trung Hiếu (2014) “*Định hướng và một số giải pháp cho chính sách đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam*”. Nghiên cứu tập trung vào các vấn đề lý luận về nông nghiệp và chính sách đầu tư phát triển nông nghiệp, đánh giá thực trạng chính sách đầu tư nông nghiệp của Việt Nam hiện nay và định hướng giải pháp trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu đã đề ra được 12 nhóm giải pháp cho

việc thực thi tốt hơn chính sách đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá thực trạng việc triển khai các chính sách đến người dân, bên cạnh những tài liệu thứ cấp, chúng tôi sử dụng số liệu sơ cấp thông qua việc khảo sát 30 cán bộ làm công tác quản lý ở cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đối tượng là chủ tịch, phó chủ tịch huyện, xã, và các cán bộ quản lý phụ trách nông nghiệp. Đối tượng khảo sát tập trung tại 3 huyện Định Hóa là các huyện đại diện cho tỉnh trên các phương diện về phát triển kinh tế, đặc điểm địa hình và đặc điểm sản xuất nông nghiệp. Để đo lường mức độ của các khái niệm trong nghiên cứu chúng tôi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ từ (1) là hoàn toàn không đồng ý đến (5) là hoàn toàn đồng ý. Cụ thể, mức điểm điểm trung bình 1,00 – 1,80 rất không hài lòng; điểm trung bình từ 1,81 đến 2,6: Không hài lòng; điểm trung bình từ 2,61 đến 3,4: Bình thường; điểm trung bình từ 3,41 đến 4,2: Hài lòng; điểm trung bình từ 4,21 đến 5,0: Rất hài lòng. Nhằm đánh giá mức điểm trung bình ở từng tiêu chí nghiên cứu chúng tôi sử dụng thống kê mô tả trong phần mềm SPSS.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đánh giá của các nhà quản lý địa phương về tình hình thực hiện một số chính sách tại địa phương

4.1.1. Chính sách ruộng đất

Kết quả điều tra lãnh đạo địa phương cho thấy tỉnh Thái Nguyên đã có sự quan tâm lớn đối với công tác quy hoạch đất đai nói chung, quy hoạch đất đai dành cho nông nghiệp nói riêng. Sau mỗi chính sách lớn của nhà nước về đất đai, chẳng hạn sau mỗi lần sửa đổi Luật Đất đai: 2003; 2013, thì tỉnh lại chỉ đạo sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành đánh giá lại tình trạng đất đai của các ngành, lĩnh vực để có những điều chỉnh quy hoạch cho giai đoạn tiếp theo một cách hợp lý.

Bảng 1: Kết quả đánh giá của cán bộ địa phương về chính sách ruộng đất

STT	Chỉ tiêu	Điểm TB
1	Triển khai các chính sách ưu đãi về đất cho hộ nông dân	4,02
2	Công tác quy hoạch và sử dụng đất nông nghiệp	3,76
3	Chính sách đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ảnh hưởng tới đất nông nghiệp	3,65
4	Thực hiện xây dựng khung giá đất nông nghiệp.	3,88
5	Thực hiện đề nghị bổ sung quỹ đất nông nghiệp/ chuyển đổi đất	3,96

Kết quả đánh giá của 30 cán bộ quản lý tại các địa phương được điều tra cho thấy điểm

Nguồn: Kết quả tổng hợp từ số liệu điều tra trung bình của các chỉ tiêu đều nằm ở ngưỡng tốt (> 3,40) theo mức thang đo likert, điều này

đồng nghĩa với việc cán bộ địa phương cho rằng chính sách ưu đãi về đất đai cho ngành nông nghiệp của tỉnh được xây dựng là hợp lý với các quy định hiện hành của nhà nước và hợp lý với các điều kiện thực tế ngành nông nghiệp của tỉnh. Tuy nhiên, tỉnh Thái Nguyên lại chưa thật sự linh hoạt trong việc đánh giá, điều chỉnh các chính sách theo sự thay đổi của các chính sách từ Trung ương và những biến động của thị trường. Theo ý kiến đánh giá của lãnh đạo địa phương hiện nay việc chuyển đổi hình thức đất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Các quy định còn khá phức tạp, nhu cầu chuyển đổi hình thức sử dụng đất nông nghiệp của bà con lớn nhưng số lượng đất có thể chuyển đổi không thể đáp ứng được kì vọng của bà con. Một số hộ gia đình có đất ruộng cao, đất xấu không thể canh tác nông nghiệp hiện nay đang có hiện tượng đổ trộm đất để chuyển sang trồng cây chè cho năng suất và giá trị cao. Nhiều hộ gia đình có diện tích đất trồng lúa, cây nông nghiệp ngay cạnh mặt đường quốc lộ nhưng khó có thể

chuyển đổi hình thức đất nông nghiệp để chuyển sang đất thuộc ngành nghề khác. Dẫn đến đời sống người dân khó có thể cải thiện, nhiều hộ gia đình bỏ ruộng đất vì không đủ nguồn nhân lực tham gia sản xuất nông nghiệp khi nguồn lao động đang bị hút về các khu công nghiệp, dẫn đến trình trạng đất bị hoang hóa nhiều.

4.1.2. Chính sách hỗ trợ tài chính tín dụng

Trong những năm qua, tỉnh Thái Nguyên đã và đang tích cực triển khai Nghị định 41/2010/NĐ-CP nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất về tài chính cho người dân sản xuất kinh doanh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững. Bên cạnh việc triển khai các chính sách lớn của Chính phủ, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chính quyền tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng, ban hành một số chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, cải thiện chất lượng hoạt động tín dụng nông nghiệp nông thôn. Thực trạng hoạt động hỗ trợ tín dụng cho hộ nông dân tại địa phương được đánh giá là khá hiệu quả.

Bảng 2: Kết quả đánh giá của cán bộ địa phương về chính sách hỗ trợ tài chính tín dụng

STT	Chỉ tiêu	Điểm TB
1	Công tác triển khai chính sách tín dụng của Trung ương tại địa phương	4,32
2	Mức độ hoàn thiện, hiệu quả của các chính sách hộ trợ tài chính - tín dụng cho nông nghiệp tại địa phương	4,02
3	Mức độ liên kết giữa chính quyền địa phương với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trên địa bàn trong việc triển khai thực hiện các chính sách hộ trợ tài chính - tín dụng cho nông nghiệp	4,22
4	Thông tin về cho vay - tín dụng của các tổ chức tín dụng rõ ràng, minh bạch	4,11
5	Đa dạng các tổ chức tín dụng, hình thức cho vay đối với hộ nông dân	4,16
6	Chính sách hộ trợ và tiếp các nguồn vốn vay ưu đãi cho phát triển sản xuất	4,04
7	Thủ tục hành chính rõ ràng, dễ tiếp cận	3,98
8	Số tiền vay từ tổ chức tín dụng có khả năng đáp ứng được mục đích sản xuất của hộ	4,18
9	Chính sách lãi suất linh hoạt trong việc hộ trợ tài chính - tín dụng đối với người dân	3,94
10	Thời gian hoàn trả các khoản vay tín dụng của người dân linh hoạt	4,10

Kết quả thống kê từ ý kiến đánh giá của cán bộ địa phương cho thấy, chính sách hộ trợ tài chính tín dụng tại địa phương được thực hiện khá tốt. Điều này thể hiện ở tất cả các chỉ tiêu đều được đánh giá ở mức độ “hài lòng” với điểm bình quân khá cao. Đặc biệt tiêu chí “*công tác triển khai chính sách tín dụng của Trung ương tại địa phương*” và “*Mức độ liên kết giữa chính quyền địa phương với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trên địa bàn trong việc triển khai thực hiện các chính sách hộ trợ tài chính - tín dụng cho nông nghiệp*” được đánh giá ở mức rất hài lòng

Nguồn: Kết quả tổng hợp từ số liệu điều tra với mức điểm lần lượt là 4,32 và 4,22. Đây là một điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và mở rộng sản xuất kinh doanh đối với người dân địa phương. Tuy nhiên, theo ý kiến chủ quan của một số cán bộ địa phương, cần tiếp tục giảm bớt các thủ tục hành chính đồng thời tăng mức tín dụng cũng như thời hạn cho vay đối với các hộ có kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất.

4.1.3. Chính sách hộ trợ về khoa học và công nghệ

Trong quá trình triển khai các chính sách hộ trợ về khoa học và công nghệ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Khoa học và Công

nghệ tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp cùng các địa phương tích cực nghiên cứu, hướng dẫn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa nhanh cơ giới hóa trong sản xuất; xây dựng nhiều mô hình trình diễn nhằm chuyển giao tiến

bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cho người nông dân như mô hình trồng chè an toàn, rau an toàn, sản xuất lúa chất lượng và các mô hình chăn nuôi khác.

Bảng 3: Kết quả đánh giá của cán bộ địa phương về chính sách hỗ trợ về khoa học và công nghệ

STT	Chỉ tiêu	Điểm TB
1	Đa dạng các chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ, chương trình hỗ trợ KHCN đối với hộ nông dân	3,87
2	Sự phù hợp của các chính sách hỗ trợ KHNCN đối với tổ chức sản xuất nông nghiệp của địa phương	4,01
3	Các chương trình hỗ trợ KHCN kịp thời với nhu cầu của địa phương	3,96
4	Các chính sách hỗ trợ KHCN được triển khai phù hợp với nhận thức của hộ nông dân	3,88
5	Các nội dung về chuyển giao KHCN đáp ứng được nhu cầu của hộ nông dân	4,12
6	Đổi ngũ cán bộ nông nghiệp, khuyến nông có trình độ chuyên môn phù hợp	4,06

Phần lớn các cán bộ quản lý địa phương cho rằng, các chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ của tỉnh đối với ngành nông nghiệp khá phong phú và đáp ứng nhu cầu của người dân trong hoạt động sản xuất của mình, với mức điểm bình quân ở các tiêu chí đều nằm trong khoảng điểm “hài lòng”. Mặc dù vậy, hiệu quả thực tế đem lại của các chính sách này chưa thật sự cao. Nhiều chương trình, chính sách được triển khai đến người dân thông qua việc chuyển giao khoa học công nghệ đến các địa phương thời gian đầu thì đạt được hiệu quả tốt, nhưng sau một thời gian khi thiếu sự giám sát của cán bộ khoa học kỹ thuật thì các chương trình trình lại giảm hiệu quả đặc biệt ở một số địa phương thuộc diện 135. Bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều rào cản do công nghệ ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp có vốn lớn. Ở chỉ tiêu “cá

Nguồn: Kết quả tổng hợp từ số liệu điều tra chính sách hỗ trợ KHCN được triển khai phù hợp với nhận thức của hộ nông dân” mặc dù đạt mức điểm 3,88 nhưng theo đánh giá từ phía cán bộ quản lý cơ sở, do nhiều công nghệ mới cần thời gian học tập, thử nghiệm và thực hiện sản xuất nên đôi khi gây ra những khó khăn cho người dân trong việc tiếp nhận.

4.1.4. Chính sách giá cả

Hiện nay tại tỉnh Thái Nguyên đã và đang áp dụng rất nhiều chính sách giá khác nhau, để đảm bảo bình ổn giá nông sản cho bà con nông dân. Các chính sách giá, hỗ trợ giá trong nông nghiệp được ban hành tương đối kịp thời với nguyện vọng của bà con. Những vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn được hỗ trợ về giá vật tư, con giống, phân bón. Bên cạnh đó, khi người dân trên địa bàn tỉnh rủi ro do thiên tai, bão lụt họ cũng được nhà nước và tỉnh hỗ trợ.

Bảng 4: Kết quả đánh giá của cán bộ địa phương về chính sách giá cả

STT	Chỉ tiêu	Điểm TB
1	Đa dạng các chính sách hỗ trợ giá cả tại địa phương	3,67
2	Chính sách hỗ trợ giá đối với người dân địa phương linh hoạt, mềm dẻo	3,90
3	Thực hiện chính sách hỗ trợ giá mua con giống và vật tư cho hoạt động sản xuất nông nghiệp	3,65
4	Thực hiện chính sách trợ giá/ thu mua đối với các loại nông sản khi giá thấp	3,36
5	Số tiền hỗ trợ về chính sách giá cả đáp ứng nguyện vọng của hộ nông dân	3,40
6	Chính sách giá cả luôn đáp ứng kịp thời	3,67

Kết quả khảo sát ở tiêu chí “chính sách hỗ trợ giá đối với người dân địa phương linh hoạt, mềm dẻo” đạt mức điểm cao nhất 3,9, theo sau là “sự đa dạng của chính sách hỗ trợ giá” với 3,67 điểm. Sự linh hoạt mềm dẻo trong chính sách hỗ trợ giá được thể hiện thông qua việc hỗ trợ có thể bằng tiền, có thể bằng con giống hoặc vật tư cho

Nguồn: Kết quả tổng hợp từ số liệu điều tra người dân ở một số địa phương thuộc diện khó khăn, gặp rủi ro trong hoạt động sản xuất hoặc khi người dân tham gia một số chương trình do Nhà nước hoặc tỉnh triển khai. Tuy nhiên, việc thực hiện hỗ trợ giá và số tiền hỗ trợ đối với sản phẩm nông nghiệp là khá hạn chế, kết quả khảo sát ở tiêu chí này chỉ đạt ở mức điểm trung bình

với 3,36 và 3,40 điểm. Chính vì vậy, việc quan tâm và hoàn thiện các chỉ tiêu của chính sách này là cần thiết giúp người dân yên tâm hơn trong quá trình sản xuất kinh doanh.

4.1.5. Chính sách hỗ trợ tiêu thụ

Chính sách tiêu thụ là một trong số những chính sách rất khó để có thể thực hiện, tuy nhiên trong những năm qua tỉnh Thái Nguyên cũng đã

đạt được một số thành tựu nhất định về thực hiện chính sách này như: Nhiều địa phương phát huy vai trò của hợp tác xã, kêu gọi sự tham gia của các doanh nghiệp, xây dựng các tổ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản như tổ phụ nữ liên kết sản xuất và tiêu thụ gạo, bưởi Diễn, Hợp tác xã Chè an toàn theo tiêu chuẩn Viet Gap tại huyện Đồng Hỷ, Định Hóa.

Bảng 5: Kết quả đánh giá của cán bộ địa phương về chính sách hỗ trợ tiêu thụ

STT	Chỉ tiêu	Điểm TB
1	Chính sách hỗ trợ người nông dân trong việc tìm kiếm thị trường mới	3,24
2	Chính sách hỗ trợ người dân khi sản phẩm được mùa	3,18
3	Địa phương cung cấp các phương thức hỗ trợ đối với nông sản của người dân địa phương	3,14
4	Xây dựng hệ thống thông tin kịp thời về thông tin thị trường, giá cả cho người nông dân	3,67
5	Khuyến khích hộ nông dân tham gia hội chợ nông nghiệp, quảng bá sản phẩm nông nghiệp	3,06

Trong chính sách hỗ trợ tiêu thụ đối với nông sản của người dân tại địa phương, phần lớn các tiêu chí đều có mức điểm trung bình tương đối thấp, chỉ có duy nhất chỉ tiêu “xây dựng hệ thống thông tin kịp thời về thị trường giá cả cho người dân” là đạt ở mức hài lòng với 3,67 điểm, còn lại các tiêu chí khác đều nhỏ hơn 3,40. Nhìn tổng thể trong 6 nhóm chính sách được đưa vào nghiên cứu thì đây là chính sách được đánh giá ở mức điểm thấp. Mặc dù là những cán bộ quản lý và mong muốn có thể giúp người dân trong việc tìm kiếm thị trường mới hoặc hỗ trợ người dân khi sản phẩm được mùa nhưng đây là một việc khó đòi hỏi sự tham gia của các cấp các ngành trong tỉnh cũng như sự nỗ lực không ngừng của người dân địa phương để có thể phát triển được những sản phẩm mũi nhọn, đặc thù, còn đối với những sản phẩm nông sản phổ thông thì họ cho rằng chỉ có thể giúp người dân trong việc cung cấp thông tin kịp thời về thị trường cũng như giá cả. Đối với việc

Nguồn: Kết quả tổng hợp từ số liệu điều tra
khuyến khích hộ nông dân tham gia hội chợ, quảng bá sản phẩm cũng khá hạn chế bởi vì hầu hết hiện nay sản xuất của hộ là những sản phẩm truyền thống khó cạnh tranh với những doanh nghiệp có quy mô lớn. Chính vì vậy để có thể quảng bá sản phẩm thì bản thân sản phẩm của họ phải mang tính đặc thù và khẳng định được thương hiệu. Đây là một trong những yêu cầu đặt ra đối với tỉnh trong việc triển khai các chính sách để giúp mỗi địa phương có một sản phẩm khẳng định được vị thế.

4.1.6. Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

Vấn đề lao động – việc làm cho lao động nông thôn, là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm phát triển bền vững. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, giải quyết việc làm cho người lao động là tiền đề quan trọng để sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, góp phần vào hình thành thể chế kinh tế thị trường, đồng thời đảm bảo an sinh xã hội.

Bảng 6: Kết quả đánh giá của cán bộ địa phương về chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

STT	Chỉ tiêu	Điểm TB
1	Chính sách đào tạo nhân lực cho người dân địa phương	4,01
2	Sự đa dạng của các hình thức đào tạo cho người dân	3,89
3	Phương pháp, nội dung các chương trình đào tạo đa dạng	4,02
4	Đào tạo chuyên môn, chuyên giao kiến thức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc cho người lao động nông thôn theo nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế	3,97
5	Chính sách hỗ trợ đào tạo hỗ trợ hộ nông dân chuyển nghề mới	3,89

Trong số các tiêu chí được đưa ra đánh giá ở nội dung này thì các chỉ tiêu được đánh giá ở mức điểm trung bình khá cao với mức bình quân đạt gần 4,0 điểm trong thang điểm 5,0. Điều này cho thấy, các chính sách đào tạo đã được xây

Nguồn: Kết quả tổng hợp từ số liệu điều tra
dựng dựa trên nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn, kinh phí được đầu tư khá mạnh, cộng với đội ngũ giảng viên được chọn lọc kỹ, dẫn đến hiệu quả đem lại của các chính sách này cao, đáp ứng đủ nhu cầu của người dân

và doanh nghiệp. Việc đào tạo người dân tại các địa phương không chỉ nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu công việc từ các khu công nghiệp mà còn phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa phương.

4.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh cho các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Chính sách ruộng đất: Cần đánh giá lại quỹ đất tại các huyện, thị xã, thành phố để đảm bảo đất được sử dụng đúng công năng, năng suất phù hợp, linh hoạt trong cơ chế chính sách chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, tránh tình trạng nhiều hộ nông dân thừa đất nhưng làm không hiệu quả, bỏ đất nông nghiệp trống không canh tác dẫn đến hoang hóa đất nông nghiệp.

Chính sách tín dụng: Tiếp tục đơn giản thủ tục quy trình tín dụng, cần rà soát tiết giảm tối đa thủ tục, giấy tờ. Cần triển khai nhiều chương trình tín dụng mới phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với sản xuất nông nghiệp, mở rộng cho vay đối với hộ nông dân không phải thế chấp tài sản.

Chính sách khoa học công nghệ: Cần nâng cao công tác giám sát trong việc chuyển giao khoa học công nghệ đến các địa phương đặc biệt là các địa bàn thuộc diện 135. Tiếp tục cần nghiên cứu phương án lập các quỹ đầu tư mạo hiểm để thúc đẩy việc nghiên cứu, phát triển công nghệ cao, tìm ra các phương pháp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp một cách có hiệu quả và phù hợp.

Chính sách giá cả: Tiếp tục xem xét về việc nâng mức hỗ trợ tạo điều kiện cho cây giống, con giống mới đưa vào sản xuất, đặc biệt là đối với nhóm sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, như hỗ trợ bằng tiền mặt một lần về vốn đầu tư trực tiếp cho sản xuất hoặc hỗ trợ từng phần theo giai đoạn dự án, khuyến khích doanh nghiệp tham gia và đối ứng vốn đầu tư. Cần có chính sách hỗ trợ

giá căn cứ vào số lượng giống cây, con giống thay vì chính sách hỗ trợ theo diện tích khi thiên tai.

Chính sách hỗ trợ tiêu thụ: Tiếp tục triển khai chính sách quy hoạch vùng sản xuất trồng trọt, chăn nuôi phù hợp với lợi thế của từng địa phương nhằm tạo ra những sản phẩm thế mạnh tạo sự thuận lợi cho việc tiêu thụ. Cần có các chính sách khuyến khích thương lái hợp tác với doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia vào chuỗi sản xuất nông sản để đem lại giá trị cao và bền vững hơn, tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, kết nối giữa vùng sản xuất với hệ thống phân phối

Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực: Xây dựng hệ thống chuẩn danh mục nghề nghiệp bao quát hết các ngành nghề cần đào tạo đến năm 2020. Cần nghiên cứu các mô hình đào tạo nghề phù hợp với từng địa phương trên cơ sở để triển khai các chính sách để người học nghề có cơ hội việc làm ngay sau khi được đào tạo.

5. Kết luận

Nghiên cứu đánh giá sáu nhóm chính sách tác động đến phát triển sản xuất kinh doanh của các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Thông qua việc đánh giá của lãnh đạo địa phương cho thấy về cơ bản các chính sách đang được triển khai tương đối tốt đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của người dân. Tuy nhiên, các chính sách và phần lớn các chỉ tiêu của mỗi nhóm chính sách còn cách khoảng điểm “rất hài lòng” tương đối xa, điển hình là hai nhóm chính sách trợ giá và hỗ trợ tiêu thụ vẫn đạt mức điểm tương đối thấp. Đặc biệt là chính sách về hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm chỉ có duy nhất một chỉ tiêu được cán bộ là quản lý ở địa phương đánh giá ở mức hài lòng còn lại các chỉ tiêu khác chỉ đạt ở mức trung bình. Chính vì vậy để hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh cho các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện các chính sách, tỉnh cần chú trọng và ưu tiên tới chính sách hỗ trợ tiêu thụ cho người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thanh Bình. (2014). *Nhìn lại chính sách đất nông nghiệp Việt Nam trong gần 30 năm qua.*
- [2]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (11/2013). *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.*
- [3]. Nguyễn Thanh Hải. (2014). *Phát triển nông nghiệp các tỉnh trung du miền núi phía Bắc Việt Nam theo hướng bền vững.*
- [4]. Hair, & Ctg. (2009). *Multivariate data analysis.* Prentice – Hall international, Inc.
- [5]. Nguyễn Trung Hiếu. (2014). *Định hướng và một số giải pháp cho chính sách đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp ở Việt nam.*
- [6]. Vương Đình Huệ. (2014). *Tái cơ cấu ngành nông nghiệp nước ta hiện nay.* Tạp chí Cộng sản điện tử truy cập ngày 21/02/2014.

- [7]. Vũ Văn Hùng. (2013). *Chính sách tiêu thụ nông sản Việt Nam trong quá trình thực hiện các cam kết với tổ chức thương mại thế giới*.
- [8]. Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Khoa học và Công nghệ. (2012). *Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành nông nghiệp và nông thôn giai đoạn 2013 – 2020*.
- [9]. Nguyễn Chí Mỹ, Hoàng Xuân Nghĩa. *Bốn hướng đột phá chính sách nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong giai đoạn hiệu nay*.
- [10]. Viện CL&CSTC. (9/2014). *Báo cáo khảo sát chính sách tài chính phát triển nông nghiệp, nông thôn*.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Đắc Dũng

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: sakichokieumoi@yahoo.com

2. Trần Quang Huy

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: tranhuyqtkd@tueba.edu.vn

3. Phạm Thị Vân Khánh

- Đơn vị công tác: Sở Tài Chính Thái Nguyên

Ngày nhận bài: 05/5/2018

Ngày nhận bản sửa: 24/05/2018

Ngày duyệt đăng: 29/6/2018